**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ G**
**TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2022
V/v ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ca Kiều Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 345/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 08 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2022/QĐ-ST ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp 5, xã Ph, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

*Bị đơn*: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 5, xã Ph, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày*: Vào năm 2009, bà Trần Thị L và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Ph cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/5/2009. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã không còn chung sống

từ năm 2017 đến nay. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên bà L xin ly hôn ông T. Bà L và ông T chung sống có 01 con chung tên Trần Chí T1, sinh ngày 16/8/2011, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*:

*Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án*: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L, cho bà L ly hôn với ông Trần Văn T; giao con chung tên Trần Chí T1, sinh ngày 16/8/2011 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn giữa nguyên đơn bà Trần Thị L và bị đơn ông Trần Văn T. Bị đơn ông T cư trú tại Ấp 5, xã Ph, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt đúng và đầy đủ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay cung cấp lời khai cho Tòa án. Ông T được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Vào năm 2009, bà Trần Thị L và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ph vào ngày 14/5/2009, nên hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà L xác định vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Mặc khác, theo Biên bản xác minh ngày 30/8/2022, chính quyền địa phương xác định vợ chồng bà L và ông T chung sống xảy ra mâu thuẫn nên đã không còn chung sống mấy năm nay, vợ chồng có 01 con chung hiện đang sống chung với bà L tại địa phương. Như vậy, sự việc bà L và ông T chung sống và xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2017 đến nay có thật trên thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng bà L ông T đã không còn chung sống từ năm 2017 đến nay, hôn nhân là sự nguyện chung sống với nhau nhưng bà L và ông T không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là vi phạm Điều 2 và Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà L được ly hôn với ông T là phù hợp.

Về con chung, bà Trần Thị L xác định vợ chồng chung sống chung sống có 01 con chung và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của bà L phù hợp với tài liệu bà L cung cấp là Giấy khai sinh cháu Trần Chí T1, sinh ngày 18/8/2011, tên người mẹ là Trần Thị L, tên người cha là Trần Văn T và phù hợp với thông tin địa phương cung cấp về tình trạng hôn nhân, về con chung theo như Biên bản xác minh ngày 30/8/2022. Do đó, có cơ sở xác định bà L và ông T có 01 con chung là cháu Tâm, cháu Tâm đang sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm và cháu Tâm có ý kiến muốn sống chung với bà L. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu Tâm được ổn định và theo nguyện vọng của cháu thì cần giao cháu Tâm cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, bà L không yêu cầu giải quyết và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông T về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung bà L xác định không có nợ chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông T về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều

51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Trần Văn T. Cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Chí T1, sinh ngày 18/8/2011 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trược tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị L không yêu cầu giải quyết và ông Trần Văn T cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị L xác định không có nợ chung và ông Trần Văn T cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004259 ngày 15/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà L và ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ca Kiều Nguyệt**